

Bản án số: **46/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 25 - 6 - 2019

“V/v Ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Lệ Chi;

Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thủy T1, sinh năm: 1992 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

(Anh T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/5/2019).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị X (Đặng Mỹ X), sinh năm: 1987 (vắng mặt).

(Có yêu cầu xét xử vắng mặt vào ngày 24/5/2019).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thủy T1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T2 được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 01 đứa con.

Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, do chồng không chăm lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên cờ bạc, đá gà ăn tiền, tụ tập bạn bè uống rượu và quan hệ với người phụ nữ khác về nhà thì cự cãi với chị. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh T2 không sửa đổi. Từ những lý do trên chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T2, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: có 01 người con chung tên: Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/02/2015. Chị T1 yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T2 đang quản lý số tiền 77.000.000 đồng và một chiếc xe Exciter trị giá 53.000.000 đồng. Chị T1 yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Nợ bà Đặng Mỹ X số tiền 17.000.000 đồng. Nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 8.500.000 đồng. Chị T1 yêu cầu chia tổng số nợ chung 25.500.000 đồng theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa chị T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh T2, về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu. Về nợ chung: bà H không yêu cầu chị trả nợ chị không có ý kiến, phần nợ bà X là nợ riêng anh T2, chị không yêu cầu.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà cho vợ chồng T1 - T2 mượn số tiền 8.500.000 đồng vào năm 2015 nay chưa trả. T2 đồng ý trả một nửa số tiền mượn cho bà, bà đồng ý, một nửa còn lại bà không yêu cầu chị T1 trả.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trình bày:

Anh và chị T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn nhưng thời gian gần đây chị T1 giận dữ anh do nghi ngờ anh có bồ nên bỏ về nhà mẹ ruột ở cách đây khoảng 2 tháng. Anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với vợ và thương con. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L hiện sống với chị T1, anh có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp chị T1 nuôi con anh không đồng ý cấp dưỡng. Hiện chị T1 đang mang thai nếu sau khi sinh con có yêu cầu thì anh có ý kiến sau. Về tài sản chung: anh không quản lý số tiền 77.000.000

đồng, xe do anh đứng tên nhưng do cha mẹ ruột mua nên anh không đồng ý chia. Về nợ chung: anh đồng ý chia đôi nợ của bà H là 8.500.000 đồng; Đối với nợ hụi của bà X là nợ riêng, không liên quan đến chị T1 và xin vắng mặt khi hòa giải, xét xử.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2019 bà Đặng Thị X (hay Đặng Mỹ X) trình bày: bà có mở dây hụi ngày 15/11/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng hụi đến ngày 15/12/2019 âm lịch thì mất, anh T2 có tham gia 01 chân đã hốt, bà đã giao tiền hụi cho anh T2. Hụi do anh T2 đứng tên và hàng tháng anh T2 đóng đầy đủ nên bà không yêu cầu trong vụ án này. Sau này có tranh chấp bà yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác và xin vắng mặt trong hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 107, 117 Luật hôn nhân gia đình, về hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc ly hôn. Về con chung: giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi và buộc anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung: buộc anh T2 trả cho bà H số tiền 4.250.000 đồng, nợ bà X không yêu cầu nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Trần Thị Thủy T1 được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T2 là bị đơn, bà X là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 và bà X.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Trần Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Đối với yêu cầu của chị Trần Thị Thủy T1, anh Nguyễn Văn T2 có lời khai không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và con.

Xét thấy quá trình chung sống vợ chồng anh T2 và chị T1 xảy ra mâu thuẫn, chị T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, không còn chung sống với anh T2, chị

T1 hiện đang mang thai anh T2 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn giữa vợ chồng hiệu quả, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau... và cùng chung sống với nhau nhưng tại phiên tòa, chị T1 xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T2, không sống chung với anh T2 và vẫn giữ yêu cầu ly hôn đều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thủy T1.

Về con chung: Tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/02/2015 hiện đang do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn. Xét thấy, chị T1 hiện là người trực tiếp nuôi con, con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ và để tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung khi thay đổi môi trường sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc nuôi con chung. Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/02/2015 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, xét thấy anh T2 không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do anh T2 không có thu nhập ổn định nên buộc anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2 chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì anh T2 còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Tài sản chung: Chị T1 rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Chị Trần Thị Thủy T1 và anh T2 xác định nợ bà H số tiền 8.500.000 đồng và đồng ý chia mỗi người một nửa để trả nên buộc anh Nguyễn Văn T2 trả cho bà Nguyễn Thị H 4.250.000 đồng, phần nghĩa vụ của chị T1 bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với nợ bà X anh T2 xác định là nợ riêng và bà X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Thủy T1 phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ anh T2 phải chịu 300.000 đồng và nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí 300.000 đồng.

Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; **khoản 1 Điều 227; Điều 244; khoản 1 Điều 271; Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 474 Bộ luật

dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thủy T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/02/2015 do chị Trần Thị Thủy T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/02/2015 cho chị Trần Thị Thủy T1 mỗi tháng 800.000 (tám trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2 chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì anh T2 còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T1 đối với anh T2.

Nợ chung: Buộc anh Nguyễn Văn T2 trả cho bà Nguyễn Thị H 4.250.000 (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, đối với nợ của chị T1 bà H không yêu cầu nên không xem xét. Đối với nợ bà X anh T2 xác định là nợ riêng và bà X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T2 chậm thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Thủy T1 phải nộp 300.000 đồng, chị Trần Thị Thủy T1 đã nộp tạm ứng án phí 1.625.000 đồng theo biên lai thu số 0004323 ngày 17 tháng 4 năm 2019 được đối trừ chuyển thu án phí, hoàn trả chị Trần Thị Thủy T1 số tiền 1.325.000 (Một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004386 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Hằng

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng